

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Danh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hai.
2. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 7 năm 2020 và ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh P - sinh năm: 1996 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị T - sinh năm: 1999 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: khóm H, Phường M, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là anh P trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh P và chị T tự quen biết, tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 2020, tổ chức đám cưới vào ngày 05/01/2020, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 tháng thì phát sinh nhiều mâu

thuần. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế, cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gổ và cãi nhau. Sau đó, chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống; vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 02/2020 đến nay. Nay, anh P xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P không còn tình cảm với chị T. Anh P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T.

- Về nuôi con chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh P xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là chị T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến:*** Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho chị T nhiều lần nhưng chị T vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

#### ***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là chị T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là chị T.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh P khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc

theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố dân sự xét xử vắng mặt chị T.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu của anh P về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị T; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Anh P và chị T chung sống như vợ chồng từ năm 2020, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 đến nay, anh P và chị T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh P và chị T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống như vợ chồng giữa anh P và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh P, anh P không còn thương yêu, quan tâm lo lắng cho chị T. Tại phiên tòa, anh P xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn tiếp tục chung sống như vợ chồng với chị T và có yêu cầu được ly hôn chị T. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì anh P cũng không sống chung với chị T.

Về phía chị T: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh P, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, chị T đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân chị T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với anh P nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau; anh P yêu cầu được ly hôn chị T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; nhưng do anh P và chị T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Anh P xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

**[4]** Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên Xứ:**

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T.

**2.** Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

**3.** Về án phí: P nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh P đã nộp ngày 03/3/2020 theo biên lai thu số: 0000775 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**(đã ký)**

**Trần Quốc Danh**